TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo, bà Trương Thị Dung.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1985

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: A, B, đường Q, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Vũ Thanh B, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị X, anh B (chị X, anh B có đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị và anh Vũ Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, B đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định ngày 23/01/2008. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì giữa chị và anh B phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B rượu chè, không chịu làm ăn quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị và anh B thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Hai bên sống ly thân nhau từ năm 2009 cho đến nay, không còn quan

hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Thanh B; Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là Vũ Nguyễn Như M, sinh ngày 09/10/2008, hiện cháu M sống cùng chị. Chị có xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Kết quả làm việc với phía bị đơn:

Tại Biên bản làm việc ngày 09/8/2022 Tòa án đã cùng với địa phương xã B làm việc với anh Vũ Thanh B, anh B cho biết: Anh kết hôn với chị X ngày 23/01/2008 tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống anh và chị X sống hạnh phúc một thời gian ngắn do có sự va chạm, cãi vã nên anh đã về trên nhà tại xã B ở, chị X ở lại xã Đ rồi từ đấy chị X tự ý bỏ đi làm ăn xa trong miền Nam, hai bên sống ly thân nhau hơn chục năm nay. Việc chị X tự ý làm đơn ly hôn anh có quan điểm chị X tự ý đi, tự ý làm đơn thì chị X tự làm, anh sẽ không lên Tòa án, kệ chị X ly hôn đơn phương. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh; Về con chung: Anh và chị X có 01 con chung là cháu Vũ Nguyễn Như M, sinh ngày 09/10/2008, hiện nay cháu M đang sống cùng chị X. Anh đồng ý để chị X tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Vấn đề cấp dưỡng anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh và chị X không có gì liên quan.

3. Cháu Vũ Nguyễn Như M có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở cùng mẹ là chị Nguyễn Thị X.

Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị X có mặt, anh B vắng mặt. Chị X có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh B theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị X, anh B đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật

của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị X; Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Vũ Nguyễn Như M, sinh ngày 09/10/2008 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Chị X không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung và các vấn đề khác, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Về án phí, chị X phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị X, anh B đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị X và anh Vũ Thanh B Linh là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa anh, chị không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn với anh B. Mặc dù anh B biết việc chị X xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh B vẫn vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị X nữa. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không có nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị X, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét thấy, cháu Vũ Nguyễn Như M đang ở cùng chị X, hiện cháu đang trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý cần sự chăm sóc của mẹ, hơn nữa nguyện vọng của cháu cũng mong muốn được ở cùng với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cháu M cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh chị không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Vũ Thanh B.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Nguyễn Như M, sinh ngày 09/10/2008 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Chị X không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị X phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003660, ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị X đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Nguyễn Thị X và anh Vũ Thanh B được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký

Vũ Văn Anh